

太陽眼鏡符合性聲明試驗報告型式分類表

申請者： 創寶發展有限公司

申請日期

聯絡人： 電話

傳真：

一、型式分類：_____

(一) 品牌 CHARRIOL

(二) 一般濾鏡 偏光濾鏡

(三) 主要型式

1. 型號(代號)：L3007-C02

__1__ 支

2. 金屬鏡框 非金屬鏡框

3. 濾鏡顏色：單灰

4. 濾鏡分類：0 1 2 3 4

5. 光學等級：1 2

6. 適合 不適合駕駛及道路使用

7. 參考點 32.0±0.2 mm (成人用太陽眼鏡)

27.0±0.2 mm (兒童用太陽眼鏡)

(一) 太陽眼鏡符合性聲明試驗報告系列型式分類表：

主型式光學等級_____NA_____濾鏡分類_____3_____

申請者：

品牌

濾鏡：一般 偏光

系列型式			太陽眼鏡 型號 / 代號	鏡框材質 “V”		濾鏡 顏色	濾鏡 分類	光學 等級	「駕駛及道路使用」及 「參考點」與主要型式不 同請註明	若為送檢之 樣品型號請 打“V”
廠商 填寫	PIDC填寫			金屬	塑膠					
	樣品 編號	查核 點收 “V”								
主型 式	V	3	CH-L3007-C02	V		灰	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
1	V	2	CH-L3008-C01	V		咖啡	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
2			CH-L3007-C01	V		水銀灰	3			
3			CH-3007-C03	V		漸灰	3			
4			CH-L3008-C02	V		單茶	3			
5			CH-L3008-C03	V		單灰	3			
6			CH-L3009-C01	V		單咖	3			
7			CH-L3009-C02	V		單茶	3			
8			CH-L3009-C03	V		單灰	3			
9			CH-L3006-C01	V		漸灰	3			
10			CH-L3006-C02	V		單咖	3			
11	V	2	CH-L3006-C03	V		灰鍍粉水銀	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
12			CH-L028S-C1	V		單茶	3			
13			CH-L028S-C2	V		漸灰	3			
14			CH-L028S-C3	V		灰	2			
15			CH-L028S-C4	V		單灰	3			
16			CH-L026S-C1	V		單咖	3			
17			CH-L026S-C2	V		漸灰	3			
18			CH-L026S-C3	V		茶	3			
19			CH-L026S-C4	V		漸灰	3			
20			CH-L026S-C5	V		漸灰	3			
21	V	2	CH-L023S-C1	V		漸層灰	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
22			CH-L023S-C2	V		漸咖	3			
23			CH-L023S-C3	V		漸灰	3			
24			CH-L023S-C4	V		灰	3			
25			CH-L016S-C1	V		漸咖	3			
26			CH-L016S-C2	V		漸灰	3			
27			CH-L016S-C3	V		灰	3			
28			CH-L016S-C4	V		單茶	3			
29			CH-L025S-C1	V		灰	3			
30			CH-L025S-C2	V		漸灰	3			
31	V	2	CH-L025S-C3	V		漸層茶	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
32			CH-L025S-C4	V		漸灰	3			
33			CH-L3014-C01		V	單咖	3			
34			CH-L3014-C02		V	墨綠	3			
35			CH-L3014-C03		V	灰	3			
36			CH-L3014-C04		V	紫水銀灰	3			

37			CH-L3012-C01		V	白水銀灰	3			
38			CH-L3012-C02		V	單灰	3			
39			CH-L3012-C03		V	單咖	3			
40			CH-L3012-C04		V	單灰	3			
41			CH-L5009-01	V		粉水銀	2			
42			CH-L5009-02	V		單咖	3			
43			CH-L5009-03	V		單灰	3			
44			CH-L5009-04	V		水銀灰藍	3			
45			CH-L5004-01	V		單茶	3			
46			CH-L5004-02	V		單綠	3			
47			CH-L5004-03	V		漸灰	3			
48			CH-L5005-C01	V		單茶	3			
49			CH-L5005-C02	V		漸灰	3			
50			CH-L5005-C03	V		單綠	3			
51	V	2	CH-L5012-01		V	咖啡	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
52			CH-L5012-02		V	單灰	3			
53			CH-L5012-03		V	單綠	3			
54			CH-L5012-01		V	單咖	3			
55			CH-L5012-02		V	單灰	3			
56			CH-L5012-03		V	漸灰	3			
57			CH-L5012-04		V	灰	3			
58			CH-L027S-C1	V		粉	2			
59			CH-L027S-C2	V		單咖	3			
60			CH-L027S-C3	V		灰	2			
61			CH-L027S-C4	V		灰	2			
62			CH-L-001S-C22	V		漸咖	3			
63			CH-L-001S-C23	V		漸茶	3			
64			CH-L-001S-C24	V		漸灰	3			
65			CH-L-001S-C25	V		漸灰	3			
66			CH-L-002S-C26	V		漸咖	3			
67			CH-L-002S-C27	V		漸灰	3			
68			CH-L-002S-C28	V		漸茶	3			
69			CH-L-002S-C29	V		漸灰	3			
70			CH-L029S-C1	V		單咖	3			
71	V	2	CH-L029S-C2	V		灰	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
72			CH-L029S-C3	V		單灰	3			
73			CH-L029S-C4	V		單綠	3			
74			CH-L3005-C01	V		灰漸咖	3			
75			CH-L3005-C02	V		單咖	3			
76			CH-L3005-C03	V		漸灰	3			
77			CH-L005S-C34		V	漸咖	3			
78			CH-L005S-C35		V	漸茶	3			
79			CH-L005S-C36		V	深紅	3			
80			CH-L005S-C37		V	單咖	3			
81			CH-L006S-C34A		V	單灰	3			
82			CH-L006S-C35		V	漸咖	3			
83			CH-L006S-C36		V	深紅	3			
84			CH-L006S-C37A		V	單咖	3			
85			CH-L007S-C08A	V		漸灰	3			
86			CH-L007S-C09A	V		漸咖	3			
87			CH-L007S-C11	V		白水銀灰	3			

88			CH-L008S-C04	V		單灰	3			
89			CH-L008S-C08	V		漸灰	3			
90			CH-L008S-C09	V		漸茶	3			
91	V	1	CH-L008S-C10	V		漸層咖	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
92			CH-L009S-C08	V		單咖	3			
93			CH-L009S-C11	V		單灰	3			
94			CH-L009S-C12	V		漸灰	3			
95			CH-L009S-C13	V		漸灰	3			
96			CH-L010S-C02	V		單咖	3			
97			CH-L010S-C03	V		白水銀灰	3			
98			CH-L010S-C05	V		水銀粉	2			
99			CH-L010S-C06	V		漸灰	3			
100			CH-L011S-C02	V		單咖	3			
101			CH-L011S-C03	V		漸灰	3			
102			CH-L011S-C06	V		漸灰	3			
103			CH-L011S-C14	V		漸咖	3			
104			CH-L012S-C02	V		單咖	3			
105			CH-L012S-C03	V		單灰	3			
106			CH-L012S-C06	V		漸灰	3			
107			CH-L012S-C14	V		水銀粉	2			
108			CH-L3001-C01		V	黃	1			
109			CH-L3001-C02		V	單灰	3			
110			CH-L3001-C03		V	漸咖	3			
111	V	2	CH-L3001-C04	V		咖啡色	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
112			CH-L3002-C01		V	單咖	3			
113			CH-L3002-C02		V	單灰	3			
114			CH-L3002-C03		V	漸咖	3			
115			CH-L3004-C01	V		灰	3			
116			CH-L3004-C02	V		黃	1			
117			CH-L3004-C03	V		單咖	3			
118			CH-L3004-C04	V		單咖	3			
119			CH-L3004-C05	V		水銀粉灰	3			
120			CH-L3004-C06	V		紅	3			
121			CH-L024S-C1	V		漸灰	3			
122			CH-L024S-C2	V		漸灰	3			
123			CH-L024S-C3	V		單灰	3			
124			CH-L024S-C4	V		單咖	3			
125			CH-L5014-01		V	灰	3			
126			CH-L5014-02		V	單咖	3			
127			CH-L5014-03		V	淺灰	1			
128			CH-L5014-04		V	黃	1			
129			CH-L6013-C01	V		水銀灰	3			
130			CH-L6013-C02	V		水銀咖	3			
131	V	2	CH-L6013-C03	V		灰綠	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
132			CH-L6013-C05	V		黃水銀	3			
133			CH-L6014-C01	V		水銀灰	3			
134			CH-L6014-C02	V		水銀咖	3			

135			CH-L6014-C03	V		單灰	3			
136			CH-L6014-C05	V		黃水銀	3			
137			CH-L6016-C01B	V		漸咖	3			
138			CH-L6016-C03B	V		灰	2			
139			CH-L6016-C05	V		漸灰	3			
140			CH-013S-C01	V		灰	3			
141			CH-013S-C02	V		灰	3			
142			CH-013S-C03	V		灰	3			
143			CH-L021S-C1	V		灰	3			
144			CH-L021S-C2	V		灰	3			
145			CH-L021S-C3	V		灰	3			
146			CH-L021S-C4	V		灰	3			
147			CH-L022S-C1	V		灰	3			
148			CH-L022S-C2	V		咖	3			
149			CH-L022S-C3	V		灰	3			
150			CH-L022S-C4	V		咖	3			
151	V	1	CH-L6017-C01B	V		漸層咖	3	NA	不適合晨昏或夜間駕駛用	V
152			CH-L6017-C03B	V		單灰	3			
153			CH-L6017-C05	V		灰	2			
154			CH-L032S-C2	V		灰	3			2022.12.20
155			CH-L032S-C5	V		漸灰	3			
156			CH-L032S-21	V		咖	3			
157			CH-L033S-C2	V		灰	3			
158			CH-L033S-C5	V		漸灰	3			
159			CH-L033S-C21	V		咖	3			
160			CH-L035S-C1	V		灰	3			
161			CH-L035S-C2	V		深灰	3			
162			CH-L035S-C5	V		漸灰	3			